

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-11-2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Hữu.
2. Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Chuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Muội K – sinh năm 1995.

HKTT: Số 256/59, đường PVC, Phường 3, Quận x, Thành phố HCM.

Chỗ ở: Số 345/15J, đường HG, Phường 5, Quận X, Thành phố HCM.

- Bị đơn: Anh Bùi Quốc B – sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 45/7, Tổ 16, Khu 9, thị trấn TP huyện TP, ĐN.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2021 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Muội K trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh B tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến tháng 04/2019 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa. Nguyên nhân do anh B thường hay cờ bạc, nợ nần, mâu thuẫn về tài chính. Từ tháng 9/2020 cho đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn quan

tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm không còn, chị K xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh B nên chị yêu cầu ly hôn.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thiên P, sinh ngày 29/6/2019, hiện cháu P do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có nợ chung.

Lời khai của anh B trong quá trình tố tụng thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng sống chung với nhau như chị K trình bày là đúng. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau. Từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng. Theo bản tự khai ngày 08/11/2021 anh B không đồng ý ly hôn. Nay suy nghĩ lại anh đồng ý ly hôn chị K và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thiên P, sinh ngày 29/6/2019. Hiện cháu P do vợ anh nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh chưa cấp dưỡng do chị K không yêu cầu. Anh đề nghị chị K đảm bảo cho anh quyền được tới lui thăm con sau khi ly hôn.

- Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của K. Về hôn nhân: Cho chị K được ly hôn với anh B. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên Bùi Thiên P, sinh ngày 29/06/2019 cho chị K trực tiếp nuôi, tạm thời chị K không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Chị K phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn có nơi cư trú tại Thị trấn TP, huyện TP, tỉnh ĐN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị K khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B; yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Chị K và anh B tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở lời khai của đương sự; tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập thể hiện: Trong thời gian sống chung giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải, hàn gắn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mất niềm tin với nhau, giữa vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

Anh B tuy đồng ý ly hôn, nhưng do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Bùi Thiên P, sinh ngày 29/6/2019. Hiện nay cháu P do chị K nuôi dưỡng. Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận giao con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi con của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Thiên P cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

- Về tài sản: Sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đ tiền án phí về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 235, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Muội K.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trịnh Muội K được ly hôn với anh Bùi Quốc B.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung chưa thành niên là Bùi Thiên P, sinh ngày 29/6/2019. Giao con chung cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trịnh Muội K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004109 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND Thị trấn Tân Phú (Số 165 ngày 20/12/2018) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Thạnh